

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-PT
Ngày 26-3-2025
*V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các Thẩm phán: Nguyễn Hồng Chương và ông Nguyễn Thế Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thùy An là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Từ ngày 20 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐ-PT ngày 08-01-2025 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐ-PT ngày 14-01-2025, Quyết định số: 33/2025/QĐ-PT ngày 11-02-2025 và Quyết định số: 67/2025/QĐ-PT ngày 20-3-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị S và bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: H N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn:

Ông Đặng Văn C; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bà Trần Thị M; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Anh Đặng Phước A; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Phước A là anh Trương Thanh D; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

Anh Đặng Minh P; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị C1; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Do có mối quan hệ quen biết, đồng thời bà H là chủ đại lý phân bón, thu mua nông sản H, nên giữa bà H và gia đình ông Đặng Văn C, bà Trần Thị M (vợ ông C), anh Đặng Phước A (con), anh Đặng Minh P (con) có thoả thuận với nhau về việc chốt nợ mua bán cà phê nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 20/6/2023 gia đình bà M thoả thuận bán cho bà H 10 tấn (tức 10.000 kg) cà phê nhân với giá 42.000 đồng/kg, thành tiền 420.000.000 đồng, bà H đã giao bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của chị Phạm Thị C1 (vợ anh Đặng Phước A) số tiền 420.000.000 đồng, bà M là người ký xác nhận nợ và hẹn đến ngày 30/11/2023 sẽ giao đủ 10 tấn cà phê cho bà H.

Từ ngày 13/10/2023 đến ngày 14/12/2023 hai bên tiếp tục nhiều lần thoả thuận mua bán cà phê với nhau, việc thoả thuận mua bán được các bên lập thành văn bản viết tay, mỗi lần chốt bán sẽ có một người đại diện bên gia đình bà M và anh A, bà M ký nhận, chủ yếu việc chốt nợ do anh A, anh P, bà M đại diện thực hiện, còn việc nhận tiền bán cà phê chủ yếu do anh A ký nhận tiền, các lần mua bán chốt cà phê cụ thể như sau:

Ngày 13/10/2023, gia đình bà M chốt bán 10 tấn cà phê cho bà H với giá 61.000 đồng/kg, thành tiền là 610.000.000 đồng, ngay khi chốt bà H thanh toán cho gia đình bà M bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 13/10/2023 số tiền 150.000.000 đồng, chuyển khoản 02 lần vào ngày 14/10/2023 tổng số tiền 360.000.000 đồng, nhận tiền mặt 100.000.000 đồng. Như vậy, bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ 610.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chốt ngày 13/10/2023. Anh Đặng Minh P là người ký xác nhận.

Ngày 17/10/2023, gia đình bà M giao cho bà H 9821,7kg cà phê nhân, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 9.233,4 kg. Trước đó ngày 14/10/2023, gia đình bà M có giao cho bà H còn dư 1.885,9kg cà phê quy chuẩn. Vậy tổng cộng gia đình bà M giao cho bà H 11.119,3kg cà phê quy chuẩn để trả chót 10 tấn ngày 13/10/2023, số cà phê quy chuẩn dư sau khi trả chót là **1.119,3 kg**. Cũng trong ngày 17/10/2023, gia đình bà M chót bán cho bà H 10 tấn cà phê với giá 62.000 đồng/kg, thành tiền là 620.000.000 đồng. Ngay khi chót bà H đã thanh toán tiền mặt số tiền 110.000.000 đồng, anh A là người ký nhận, giao tiền mặt số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 17/10/2023 và chuyển khoản số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 18/10/2023, anh Đặng Minh P là người ký nhận. Như vậy, bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ 620.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chót ngày 17/10/2023.

Ngày 20/10/2023, anh Đặng Minh P giao cho bà H 8.236 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 7.898,8 kg. Như vậy số lượng cà phê đã giao được cho bà H là: 7.898,8 kg + 1.119,3 kg (dư ngày 17/10/2023) = 9018,1 kg. Số cà phê chót ngày 17/10/2023 còn giao thiếu là: 10 tấn - 9018,1 kg = **981,9 kg**, anh P là người ký xác nhận nợ. Cũng trong ngày 20/10/2023 gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê với giá 64.000 đồng/kg, thành tiền là 640.000.000 đồng, hẹn 03 ngày sẽ giao cà phê. Như vậy, tổng cộng số cà phê còn nợ chót là: 10 tấn + 981,9 kg = **10.981,9 kg**. Ngay khi chót cà phê, bà H đã thanh toán bằng hình thức giao tiền mặt 150.000.000 đồng và chuyển khoản 200.000.000 đồng vào ngày 20/10/2023, chuyển khoản 290.000.000 đồng vào ngày 21/10/2023. Như vậy bà H đã giao đủ số tiền 640.000.000 đồng của 10 tấn cà phê chót ngày 20/10/2023.

Ngày 21/10/2023 gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê với giá 63.500 đồng/kg, thành tiền là 635.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số cà phê nợ chót là: 20 tấn. Sau khi chót cà phê, bà H đã giao tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng, chuyển khoản vào ngày 22/10/2023 200.000.000 đồng, giao tiền mặt số tiền 150.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 185.000.000 đồng vào ngày 23/10/2023, như vậy bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ số tiền 635.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chót ngày 21/10/2023, anh P ký nhận.

Trong ngày 23/10/2023 gia đình bà M giao cho bà H 8.351,9 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 8.143 kg. Số cà phê còn thiếu chưa giao là: 20.981,9 kg – 8.143 kg = 12.838,9 kg. Ngoài ra gia đình bà M nợ bà

H thêm số cà phê đôi là 377 kg (*cà phê đôi là cà phê bà H đã thanh toán tiền*).
Vậy tổng số cà phê gia đình bà M1 nợ chót là: $12.838,9 \text{ kg} + 377 \text{ kg} = \mathbf{13.215,9 \text{ kg}}$.

Ngày 25/10/2023 gia đình bà M giao cho bà H 7.380 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.874,1 kg. Vậy số cà phê chót còn thiếu là: $13.215,9 \text{ kg} - 4.874,1 \text{ kg} = \mathbf{8.341,8 \text{ kg}}$, anh P ký nhận.

Ngày 26/10/2023 gia đình bà M giao cho bà H 7.800 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.603 kg. Vậy số cà phê còn nợ chót là: $8.341,8 \text{ kg} - 6.603 \text{ kg} = \mathbf{1.738,8 \text{ kg}}$, anh Đặng Phước A ký nhận.

Cũng trong ngày 26/10/2023, gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 04 tấn cà phê với giá 60.500 đồng/kg, thành tiền là 242.000.000 đồng và 06 tấn cà phê với giá 60.000 đồng/kg, thành tiền là 360.000.000 đồng. Tổng số cà phê nợ chót là: 10 tấn + 1.738,8 kg = **11.738,8 kg**. Tổng tiền của 10 tấn cà phê chót ngày 26/10/2023 là 602.000.000 đồng, bà H chuyển khoản tổng số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 26/10/2023, chuyển khoản số tiền 160.000.000 đồng vào ngày 27/10/2023, giao tiền mặt 100.000.000 đồng vào ngày 28/10/2023. Tổng cộng bà H đã thanh toán 510.000.000 đồng tiền chót 10 tấn cà phê ngày 26/10/2023, số tiền còn thiếu là 92.000.000 đồng, anh Đặng Minh P là người ký nhận.

Ngày 28/10/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.013,8 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.628,5 kg. Số cà phê còn nợ chót là: $11.738,8 \text{ kg} - 6.628,5 \text{ kg} = \mathbf{5.110,3 \text{ kg}}$. Ngày 28/10/2023 gia đình bà M tiếp tục chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 59.000 đồng/kg, thành tiền là 590.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: 10 tấn + 5.110,3 kg = **15.110,3 kg**. Ngay sau khi chót bà H đã chuyển khoản 02 lần tổng số tiền là 450.000.000 đồng, còn thiếu 140.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H còn thanh toán thiếu chót ngày 26/10/2023 và chót ngày 28/10/2023 là: $92.000.000 \text{ đồng} + 140.000.000 \text{ đồng} = \mathbf{232.000.000 \text{ đồng}}$.

Ngày 29/10/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.620 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 5.082,4 kg. Số cà phê còn nợ chót là: $15.110,3 \text{ kg} - 5.082,4 \text{ kg} = \mathbf{10.028,3 \text{ kg}}$. Trong ngày 29/10/2023 bà H thanh toán đủ bằng hình thức giao tiền mặt 02 lần tổng số tiền là 232.000.000 đồng, anh P là người ký nhận.

Ngày 30/10/2023, gia đình bà M giao cho bà H 9.390 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.469,6 kg. Vậy gia đình bà M1 giao thiếu

số cà phê còn nợ chót ngày 29/10/2023 là: $10.028,3 \text{ kg} - 6.469,6 \text{ kg} = \mathbf{3.558,7 \text{ kg}}$. Trong ngày 30/10/2023 gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 58.500 đồng/kg, thành tiền là 585.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: $10 \text{ tấn} + 3.558,7 \text{ kg} = \mathbf{13.558,7 \text{ kg}}$. Bà H thanh toán tiền mặt 100.000.000 đồng, chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng vào ngày 30/10/2023, thanh toán tiền mặt 250.000.000 đồng vào ngày 31/10/2023, tổng cộng bà H đã thanh toán được 650.000.000 đồng là số tiền chót 10 tấn cà phê ngày 30/10/2023, số tiền bà H thanh toán dư là 65.000.000 đồng, anh P là người ký nhận.

Ngày 31/10/2023 gia đình bà M bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 57.000 đồng/kg, thành tiền 570.000.000 đồng. Số tiền bà H phải thanh toán cho gia đình bà M là: $570.000.000 \text{ đồng} - 65.000.000 \text{ đồng}$ (*dư của lần thanh toán trước*) $= 505.000.000 \text{ đồng}$, bà H đã thanh toán số tiền 190.000.000 đồng, số tiền còn lại của 10 tấn cà phê chót ngày 31/10/2023 là 315.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: $10 \text{ tấn} + 13.558,7 \text{ kg} = \mathbf{23.558,7 \text{ kg}}$. Gia đình bà M giao cho bà H 8.095,1 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 7.761,1 kg, số cà phê còn nợ chót tính đến ngày 31/10/2023 là: $23.558,7 \text{ kg} - 7.761,1 \text{ kg} = \mathbf{15.797,6 \text{ kg}}$, anh P là người ký nhận.

Ngày 01/11/2023 bà H thanh toán số tiền là 36.240.000 đồng (*thanh toán thay 3207kg cà phê tươi*) và 43.060.000 đồng (*thanh toán thay 3851kg cà phê tươi*), thanh toán tiền mặt 200.000.000 đồng. Vậy tổng số tiền còn thiếu của 10 tấn chót ngày 31/10/2023 là: $315.000.000 \text{ đồng} - 36.240.000 \text{ đồng} - 43.060.000 \text{ đồng} - 200.000.000 \text{ đồng} = 35.700.000 \text{ đồng}$. Trong ngày 01/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.780 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 5.048,9 kg. Số cà phê còn nợ chót là: $15.797,6 \text{ kg} - 5.048,9 \text{ kg} = \mathbf{10.748,7 \text{ kg}}$, anh P là người ký nhận.

Ngày 03/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.270 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.999 kg, số cà phê còn nợ chót là: $10.748,7 \text{ kg} - 6.999 \text{ kg} = \mathbf{3.749,7 \text{ kg}}$, anh P là người ký nhận. Ngày 03/11/2023, gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 57.500 đồng/kg, thành tiền là 575.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê gia đình bà M còn nợ chót là: $10 \text{ tấn} + 3.749,7 \text{ kg} = \mathbf{13.749,7 \text{ kg}}$. Tổng số tiền bà H phải thanh toán cho gia đình bà M là: $575.000.000 \text{ đồng} + 35.700.000 \text{ đồng}$ (*tiền thiếu ngày 01/11/2023*) $= 610.700.000 \text{ đồng}$. Ngay sau khi chót, bà H đã thanh toán làm 03 lần: lần 01 chuyển khoản

300.000.000 đồng, lần 02 giao tiền mặt 200.000.000 đồng, lần 3 giao tiền mặt 110.700.000 đồng. Tổng cộng bà H đã thanh toán đủ 610.700.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chột ngày 03/11/2023 và tiền thiếu ngày 01/11/2023, anh P là người ký nhận.

Ngày 04/11/2023, gia đình bà M chột bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 58.000 đồng/kg, thành tiền là 580.000.000 đồng, tổng số cà phê còn nợ chột là: 10 tấn + 13.749,7 kg = **23.749,7 kg**. Bà H đã thanh toán trước cho gia đình bà bằng hình thức giao tiền mặt 100.000.000 đồng và chuyển khoản 200.000.000 đồng vào ngày 05/11/2023, tổng cộng là 300.000.000 đồng, chưa giao số tiền 280.000.000 đồng, anh P là người ký nhận. Trong ngày 05/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 25.850 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 10.463,4 kg, số cà phê còn nợ chột là: 23.749,7 kg – 10.463,4 kg = **13.286,3 kg**, bà H đã thanh toán số tiền 280.000.000 đồng bằng hình thức giao tiền mặt 150.000.000 đồng và chuyển khoản 130.000.000 đồng vào ngày 06/11/2023.. Tổng cộng bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ 580.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chột ngày 04/11/2023, anh P là người ký nhận.

Ngày 07/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H lần 1 là 7.100 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.585 kg; giao lần 2 là 5.840 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 3.363 kg, số cà phê nợ chột là: 13.286,3 kg – 4.585 kg - 3.363 kg = **5.338,3 kg**. Trong ngày 07/11/2023, gia đình bà M chột bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 58.000 đồng/kg, thành tiền là 580.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chột là: 10 tấn + 5.338,3 kg = **15.338,3 kg**. Ngay sau khi chột, bà H đã giao tiền mặt tiền 210.000.000 đồng, chưa giao số tiền 370.000.000 đồng, anh P là người ký nhận. Cũng trong ngày 07/11/2023 bà H giao tiền mặt cho ông Thôn Đức T1 là người bà M nhờ lấy tiền hộ số tiền 147.000.000 đồng (*tiền thanh toán thay 13.010 kg cà phê tươi*), số tiền còn lại chưa giao là 223.000.000 đồng - 1.400.000 đồng (*tiền trượt giá*) = 221.600.000 đồng. Ngoài ra bà H giao tiền mặt số tiền 22.600.000 đồng (*tiền thanh toán thay cà phê tươi*), giao tiền mặt số tiền 199.000.000 đồng, anh P là người ký nhận. Tổng số tiền bà H đã giao cho gia đình bà M trong ngày 07/11/2023 là: 210.000.000 đồng + 147.000.000 đồng + 22.600.000 đồng + 199.000.000 đồng = 578.600.000 đồng. Như vậy, bà H đã giao cho gia đình bà M đủ tiền của 10 tấn cà phê chột ngày 07/11/2023.

Ngày 09/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H lần 1 là 6.490 kg phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.004,8 kg; giao lần 2 là 6.460 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 3.966,3 kg, số cà phê nợ chót là: $15.338,3 \text{ kg} - 4.004,8 \text{ kg} - 3.966,3 \text{ kg} = \mathbf{7.367,2 \text{ kg}}$, anh P là người ký nhận.

Ngày 11/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 9.460 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.593,3 kg, số cà phê nợ chót là: $7.367,2 \text{ kg} - 6.593,3 \text{ kg} = \mathbf{773,9 \text{ kg}}$, anh Đặng Phước A là người ký nhận. Trong ngày 11/11/2023, gia đình bà M chốt bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 58.000 đồng/kg, thành tiền 580.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: $10 \text{ tấn} + 773,9 \text{ kg} = \mathbf{10.773,9 \text{ kg}}$. Ngay sau khi chốt, bà H đã tiền mặt số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn thiếu của 10 tấn chốt ngày 11/11/2023 là 280.000.000 đồng, ngày 12/11/2023 bà H giao tiền mặt số tiền 200.000.000 đồng, ngày 14/11/2023 giao số tiền còn lại 80.000.000 đồng, như vậy bà H đã giao đủ số tiền 580.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chốt ngày 11/11/2023, anh Đặng Phước A là người ký nhận.

Ngày 14/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H cà phê quy chuẩn 02 lần tổng cộng là 10.241,7 kg, số cà phê nợ chót là: $10.773,9 \text{ kg} - 10.241,7 \text{ kg} = \mathbf{532,2 \text{ kg}}$. Trong ngày 14/11/2023, gia đình bà M chốt bán thêm cho bà H 20 tấn cà phê nhân với giá 58.400 đồng/kg, thành tiền là 1.168.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: $20 \text{ tấn} + 532,2 \text{ kg} = \mathbf{20.532,2 \text{ kg}}$. Ngay sau khi chốt, bà H đã giao tổng số tiền 560.000.000 đồng qua 03 lần: lần 1 giao tiền mặt 100.000.000 đồng, lần 2 giao tiền mặt 260.000.000 đồng, lần 3 chuyển khoản 200.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu của 20 tấn chốt ngày 14/11/2023 là: $1.168.000.000 \text{ đồng} - 560.000.000 \text{ đồng} = 608.000.000 \text{ đồng}$, bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A là người ký nhận. Ngày 15/11/2023 bà H giao tổng số tiền 350.000.000 đồng qua 03 lần thanh toán: lần 1 giao tiền mặt 100.000.000 đồng, lần 2 chuyển khoản 200.000.000 đồng, lần 3 giao tiền mặt 50.000.000 đồng, số tiền chưa giao là $608.000.000 \text{ đồng} - 350.000.000 \text{ đồng} = 258.000.000 \text{ đồng}$. Ngày 16/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 19.100 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 18.271,6 kg, số cà phê nợ chót là: $20.532,2 \text{ kg} - 18.271,6 \text{ kg} = \mathbf{2.260,6 \text{ kg}}$, đồng thời bà H đã chuyển khoản số tiền 258.000.000 đồng. Như vậy bà H đã

thanh toán cho gia đình bà M đủ số tiền 1.168.000.000 đồng là tiền của 20 tấn cà phê chốt ngày 14/11/2023, anh P là người ký xác nhận.

Cũng trong ngày 16/11/2023, gia đình bà M chốt bán thêm cho bà H 20 tấn cà phê nhân với giá 58.700 đồng/kg, thành tiền là 1.174.000.000 đồng, tổng số cà phê gia đình bà M còn nợ chốt là: 20 tấn + 2.260,6 kg = **22.260,6 kg**. Ngay sau khi chốt, bà H đã thanh toán cho gia đình bà M tổng số tiền 500.000.000 đồng qua 02 lần: lần 1 giao tiền mặt cho ông Nguyễn Văn T2 là người bà M nhờ nhận tiền thay bà M số tiền 100.000.000 đồng, lần 2 chuyển khoản số tiền 400.000.000 đồng. Số tiền chưa giao của 20 tấn chốt ngày 16/11/2023 là : 1.174.000.000 đồng – 500.000.000 đồng = 674.000.000 đồng, anh P là người ký xác nhận. Trong ngày 16/11/2023, bà H tiếp tục giao số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu của 20 tấn chốt ngày 16/11/2023 là: 474.000.000 đồng. Ngày 17/11/2023, bà H giao tiền mặt số tiền còn lại là 474.000.000 đồng. Như vậy, bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ số tiền 1.174.000.000 đồng là tiền của 20 tấn cà phê chốt ngày 16/11/2023, anh Đặng Phước A là người ký xác nhận nợ.

Trong ngày 17/11/2023, bà H giao tiền mặt 200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N là người mà bà M nhờ nhận tiền thay cho bà M, số tiền 200.000.000 đồng tương ứng với số lượng cà phê là 3.412,9 kg nhân giá cà phê 58.600 đồng/kg. Như vậy tổng số cà phê gia đình bà M còn nợ chốt là: 22.260,6 kg + 3.412,9 kg = **25.673,5 kg**. Ngày 17/11/2023 và ngày 18/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H tổng cộng 18.610 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 17.828,2 kg, số cà phê nợ chốt là: 25.673,5 kg – 17.828,2 kg = **7.845,3 kg**, anh P là người ký xác nhận lại nợ.

Ngày 19/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H tổng cộng 8.440 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 5.663,7 kg, số cà phê nợ chốt ngày 17/11/2023 là: 7.845,3 kg – 5.663,7 kg = **2.181,6 kg**. Ngày 22/11/2023, gia đình bà M chốt bán thêm cho bà H 20 tấn cà phê nhân với giá 58.500 đồng/kg, thành tiền là 1.170.000.000 đồng, tổng số cà phê còn nợ chốt là: 20 tấn + 2.181,6 kg = **22.181,6 kg**. Ngay sau khi chốt, bà H đã giao tiền bằng hình thức chuyển khoản đủ số tiền 1.170.000.000 đồng tương ứng với 20 tấn cà phê chốt ngày 22/11/2023, ông Đặng Văn C là người ký xác nhận nợ.

Ngày 22/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.030 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.321,2 kg, số cà phê nợ chốt là 22.181,6

kg -4.321,2 kg = 17.760,4kg, anh A là người ký xác nhận. Ngày 23/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 9.370 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.551 kg, số cà phê còn nợ chót là 17.760,4kg -6.551 kg = 11.309,4kg, anh P là người ký xác nhận nợ. Ngày 25/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.410 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.872 kg, tổng số cà phê còn nợ chót là: 11.309,4kg - 4.872 kg = **6.437,4 kg**, anh A là người ký xác nhận nợ. Ngày 27/11/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.010 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.525,5 kg, số cà phê nợ chót là: 6.437,4 kg – 4.525,5 kg = **1.911,9 kg**, anh P là người ký nhận nợ.

Ngày 03/12/2023, gia đình bà M chót 35,770kg cà phê tươi với giá 13.300 đồng/kg, thành tiền 475.740.000 đồng, số lượng 35,770kg cà phê tươi hai bên thống nhất quy đổi thành cà phê nhân khô quy chuẩn là 7.863,4 kg, bà H đã giao đủ số tiền 475.740.000 đồng. Như vậy, gia đình bà M còn phải giao cho bà H số cà phê nợ chót tính đến ngày 03/12/2023 là: 1.911,9 kg + 7.863,4 kg = **9.775,3 kg**.

Ngày 05/12/2023, gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 60.300 đồng/kg, thành tiền là 603.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê còn nợ chót là: 10 tấn + 9.775,3 kg = **19.775,3 kg**. Ngay sau khi chót, bà H đã chuyển khoản tiền 300.000.000 đồng, số tiền chưa giao của 10 tấn chót ngày 05/12/2023 là: 603.000.000 đồng – 300.000.000 đồng = 303.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2023, gia đình bà M giao cho bà H lần 1 với số cà phê là 5.203,5 kg, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.985,7 kg; giao lần 2 với số là 7.290 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 4.735,8 kg. Số cà phê nợ chót là: 19.775,3 kg – 4.985,7 kg - 4.735,8 kg = **10.053,8 kg**, anh P là người ký xác nhận nợ. Ngày 13/12/2023, bà H thanh toán bằng hình thức chuyển khoản số tiền 303.000.000 đồng. Như vậy, bà H đã thanh toán cho gia đình bà M đủ số tiền 603.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chót ngày 05/12/2023.

Ngày 13/12/2023, gia đình bà M giao cho bà H 7.810 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 5.285,5 kg, số cà phê nợ chót là: 10.053,8 kg – 5.285,5 kg = **4.768,3 kg**. Ngày 13/12/2023, gia đình bà M chót bán thêm cho bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 64.400 đồng/kg, thành tiền là 644.000.000 đồng. Như vậy, tổng số cà phê gia đình bà M còn nợ chót là: 10 tấn + 4.768,3 kg = **14.768,3 kg**. Ngay sau khi chót, bà H đã thanh toán bằng hình thức giao tiền mặt số tiền

250.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu của 10 tấn chót ngày 13/12/2023 là: 644.000.000 đồng – 250.000.000 đồng = 394.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2023, bà H thanh toán cho gia đình bà M tổng số tiền 394.000.000 đồng qua 02 lần: lần 1 thanh toán tiền mặt số tiền 150.000.000 đồng, lần 2 thanh toán bằng hình thức chuyển khoản 244.000.000 đồng. Như vậy, bà H đã thanh toán đủ số tiền 644.000.000 đồng là tiền của 10 tấn cà phê chót ngày 13/12/2023. Trong ngày 14/12/2023, gia đình bà M giao cho bà H 8.630 kg cà phê, sau khi tính toán thì ra được số cà phê quy chuẩn là 6.097,2 kg. Số cà phê nợ chót tính đến ngày 14/12/2023 là: 14.768,3 kg – 6.097,2 kg = **8.671,1 kg**, anh P là người ký xác nhận nợ.

Như vậy, từ ngày 20/6/2023 và từ ngày 13/10/2023 đến ngày 14/12/2023, sau nhiều lần mua bán, các bên chót lại gia đình bà M còn nợ bà H tổng số lượng cà phê nhân khô quy chuẩn là: **18.671,1 kg** (*Mười tám nghìn, sáu trăm bảy mươi một phẩy một kilogam*), bà H đã giao đủ tiền tương ứng với mỗi lần cho gia đình bà M chót cà phê, nhưng đến nay gia đình bà M vẫn chưa giao cà phê nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Đặng Phước A, ông Đặng Văn C, bà Trần Thị M, anh Đặng Minh P phải trả cho bà H tổng số cà phê nhân khô quy chuẩn là: 18.671,1 kg (*Mười tám nghìn, sáu trăm bảy mươi một phẩy một kilogam*). Giá trị **18.671,1 kg** cà phê nhân khô ở thời điểm khởi kiện là: **1.325.000.000 đồng** (Một tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu đồng), đơn giá 71.000 đồng/kg.

2. Bị đơn trình bày:

2.1. Bà Trần Thị M công nhận toàn bộ nội dung chót cà phê, nhận tiền giữa gia đình bà và bà Nguyễn Thị H đúng với nội dung chót cà phê, giao nhận tiền, giao nhận cà phê thể hiện tại các tài liệu mà bà H cung cấp kèm theo đơn khởi kiện. Bà M công nhận còn nợ bà H tổng số cà phê nhân khô là 18.671,1 kg và đồng ý thanh toán bằng hình thức trả tiền mặt giá trị 18.671,1 kg cà phê nhân khô x 71.000 đồng/kg = 1.325.000.000 đồng.

2.2. Ông Đặng Văn C đồng ý với nội dung bà M trình bày, không bổ sung gì thêm.

2.3. Anh Đặng Minh P công nhận lời trình bày của bà M là đúng sự thật, anh đồng ý cùng với bố mẹ của mình có trách nhiệm thanh toán cho bà H bằng hình thức trả tiền mặt giá trị số lượng 18.671,1 kg cà phê nhân khô x 71.000 đồng/kg = 1.325.000.000 đồng.

2.4. Anh Đặng Phước A và người đại diện theo ủy quyền của anh A công nhận bà M nợ bà H số lượng 18.671,1 kg cà phê nhân khô tuy nhiên anh không đồng ý trả nợ cho bà H vì anh cho rằng anh làm công cho bà M, anh chỉ ký nhận nợ, nhận tiền trong sổ của bà H thay cho bà M.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị C1 trình bày:

Chị C1 thừa nhận có nhận thay cho bà M giá trị 10 tấn cà phê nhân khô với giá 42.000 đồng/kg, thành tiền 420.000.000 đồng, hình thức nhận qua tài khoản cá nhân của chị C1, tuy nhiên chị C1 nhận thay, bà H biết và không khởi kiện chị C1 vì vậy chị C1 không liên quan đến nội dung vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 16.759,2 kg cà phê nhân khô quy chuẩn (10.000 kg chót ngày 20/6/2023 + 6.759,2 kg chót nợ từ ngày 03/12/2023 đến ngày 14/12/2023).

2. Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P và anh Đặng Phước A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 1.911,9kg cà phê nhân khô quy chuẩn (chót nợ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 27/11/2023).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 11-10-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng “*chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*”; bị đơn anh Đặng Phước A1 kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng “*bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh A1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 1.911,9kg cà phê nhân khô quy chuẩn*”; bà Trần Thị M kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng “*xác định lại đơn giá cà phê và xác định lại việc thực hiện nghĩa vụ đối với bà H*”.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Phước A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng “*bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 1.911,9kg cà phê nhân khô quy chuẩn*”; bà Trần Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng “*xác định lại đơn giá cà phê và xác định lại việc thực hiện nghĩa vụ đối với bà H*”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ được tranh tụng công khai tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của các đương sự thể hiện có việc chốt cà phê nhân khô và nhận tiền tương ứng với giá trị số lượng cà phê được chốt, ngày 20/6/2023 và trong khoảng thời gian từ ngày 13/10/2023 đến ngày 14/12/2023, bị đơn đã chốt cà phê nhiều lần và nhận đủ số tiền chốt cà phê nhưng còn nợ lại nguyên đơn tổng số 18.671,1kg cà phê nhân khô. Đây là các tài liệu chứng cứ khô ng phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015.

Về nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền tương đương với giá trị của 18.671,1 kg với đơn giá 121.000 đồng/kg, tuy nhiên bị đơn không đồng ý vì bị đơn cho rằng đã chuyển nhượng cho nguyên đơn 02ha đất rẫy để trừ nợ, trường hợp buộc phải trả thì bị đơn cũng không đồng ý với đơn giá 121.000 đồng/kg như đề nghị của nguyên đơn. Căn cứ Điều 430, 434, 436, 437 BLDS cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số cà phê nhân khô quy chuẩn còn nợ.

Đối với 10 tấn cà phê chốt vào ngày 20/6/2023 (bút lục 10): Nguyên đơn và bị đơn bà Trần Thị M đều thừa nhận ngày 20/6/2023, bà M đã chốt với bà H 10 tấn cà phê nhân với giá 420.000.000 đồng, bà M đã nhận đủ tiền và ký tên vào giấy chốt cà, hiện nay bà M chưa trả được cà phê cho bà H. Nguyên đơn cho rằng việc bà M chốt cà phê với tư cách đại diện cho hộ nên mặc dù tại giấy chốt cà phê chỉ bà

M ký nhận nhưng các bị đơn đều có nghĩa vụ liên đới, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ gì thêm để chứng minh bà M chốt cà phê vào ngày 20/6/2023 là đại diện cho các bị đơn khác, nhưng anh C và anh P thừa nhận khoản nợ và đồng ý cùng bà M trả 10 tấn cà phê nói trên nên chấp nhận. Bị đơn anh Đặng Phước A không thừa nhận khoản nợ này, do đó không có cơ sở để buộc bị đơn A phải liên đới trả đối với số cà phê này.

Đối với 8.671,1 kg cà phê còn nợ lại do việc chốt cà phê từ ngày 13/10/2023 đến ngày 14/12/2023: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là cuốn sổ ghi chép việc chốt cà phê trong đó thể hiện các bị đơn là những người ký xác nhận nợ, việc chốt và trả cà phê, giao nhận tiền là không tách bạch giữa các lần giao dịch, điều đó cho thấy những người ký sau thừa nhận việc giao dịch và những khoản nợ người ký trước để lại. Các bị đơn M, C, P thừa nhận còn nợ nguyên đơn 8.671,1 kg và đồng ý trả nợ. Riêng bị đơn A cho rằng việc bị đơn A 08 lần ký nhận tiền, xác nhận số cà phê còn nợ chỉ là ký thay cho bị đơn M bởi anh đã ra ở riêng và hiện nay anh chỉ là người làm thuê cho bị đơn M nhưng bị đơn A không có chứng cứ gì chứng minh việc ký thay này. Tại cuốn sổ ghi chép việc chốt cà phê do nguyên đơn cung cấp nhận thấy, lần cuối cùng bị đơn A ký là vào ngày 25/11/2023 với nội dung “25/11 **thiếu cà 6.437,4 kg** cà phê nhân” (cả những lần không do bị đơn A thực hiện), do đó đồng nghĩa bị đơn A thừa nhận và phải có nghĩa vụ đối với số cà phê còn thiếu này. Vào ngày 27/11 không thể hiện việc xác lập giao dịch chốt số lượng cà phê mới nhưng có thể hiện việc bị đơn P giao 4525,5 kg, thiếu 1.911,9kg. Như vậy có căn cứ cho thấy bị đơn P giao cà phê ngày 27/11/2023 là để trả cho số cà phê nhân còn thiếu vào ngày 25/11/2023, chỉ còn nợ lại 1.911,9 kg. Do đó, có căn cứ để buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số cà phê còn thiếu vào ngày 27/11 là 1.911,9kg.

Đối với 6.759,2 kg trong tổng số 8.671,1 kg là khoản nợ phát sinh sau ngày 27/11/2023, việc chốt cà phê và trả cà phê, chốt nợ này bị đơn A không ký nhận, bị đơn A không thừa nhận nghĩa vụ nên không có căn cứ để buộc bị đơn A phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ cà phê này. Do đó phải buộc các bị đơn M, C, P liên đới trả cho nguyên đơn số cà phê còn nợ là 6.759,2 kg

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 16.759,2 kg cà phê nhân khô quy chuẩn (10.000 kg chốt ngày 20/6/2023 + 6.759,2 kg chốt nợ từ ngày 03/12/2023 đến ngày 14/12/2023); buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C,

anh Đặng Minh P và anh Đặng Phước A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 1.911,9kg cà phê nhân khô quy chuẩn (chốt nợ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 27/11/2023) là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430; Điều 433; Điều 436 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 16.759,2 kg cà phê nhân khô quy chuẩn (10.000 kg chốt ngày 20/6/2023 + 6.759,2 kg chốt nợ từ ngày 03/12/2023 đến ngày 14/12/2023).

4. Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P và anh Đặng Phước A liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H 1.911,9kg cà phê nhân khô quy chuẩn (chốt nợ từ ngày 13/10/2023 đến ngày 27/11/2023).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.759,2 kg cà phê nhân khô quy chuẩn x 120.000đ/kg = 2.011.104.000 đồng. [2.011.104.000 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng)] = 72.222.080 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định; buộc bà Trần Thị M, ông Đặng Văn C, anh Đặng Minh P, anh Đặng Phước A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.911,9 kg cà phê nhân khô quy chuẩn 120.000đ/ kg = 229.428.000 đồng x 5% = 11.471.400 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định; hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 25.875.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà

bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0000496, ngày 23/01/2024.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn bà Trần Thị M và anh Đặng Phước A mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà các đương sự đã nộp: Cụ thể: Bà Nguyễn Thị H theo biên lai số 0008172 ngày 24-10-2024, bà Trần Thị M theo biên lai số 0008170 ngày 24-10-2024, anh Đặng Phước A theo biên lai số 0008171 ngày 24-10-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

6. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM ;
- VKSND tỉnh Đắk Nông ;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Ứng